



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**  
**THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HÃNG KIỂM TOÁN LEA GLOBAL**  
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Địa chỉ: Số 24 - 26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

---

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 42

1202  
CÔNG  
H NHIỆP  
TOÁN V  
IỆT  
/ẤY -

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Địa chỉ: Số 24 - 26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân,  
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

*đính kèm báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019  
đến ngày 30/06/2019*

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

**Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Vũ Thanh Sơn	Chủ tịch (Bỏ nhiệm từ ngày 22/06/2019)
Ông Nguyễn Tiến Vượng	Chủ tịch (Miễn nhiệm từ ngày 22/06/2019)
Ông Ngô Đức Long	Thành viên
Ông Chu Việt Cường	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 22/06/2019)
Bà Phạm Diễm Hoa	Thành viên
Bà Lương Thị Khánh	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 22/06/2019)
Bà Hà Chi	Thành viên (Bỏ nhiệm từ ngày 22/06/2019)
Ông Phạm Tuấn Linh	Thành viên (Bỏ nhiệm từ ngày 22/06/2019)

**Ban Giám đốc**

Ông Ngô Đức Long	Giám đốc
Ông Chu Việt Cường	Phó Giám đốc
Ông Vũ Tuấn Anh	Phó Giám đốc
Bà Lê Thị Ngọc Diệp	Phó Giám đốc

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

228.  
T.Y.  
HỮU  
ĐÌNH  
AM  
TP.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**  
Địa chỉ: Số 24 - 26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân,  
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**  
đính kèm báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019  
đến ngày 30/06/2019

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**  
(tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

*Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,*

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**



**Ngô Đức Long**

**Giám đốc**

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2019







**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**  
**THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HÃNG KIỂM TOÁN LEA GLOBAL**  
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

Số: *HQ2*-19/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày *28* tháng 8 năm 2019

**BÁO CÁO SOÁT XÉT**  
**THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông**

**Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 8 năm 2019, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ**

Tại thời điểm 30/06/2019, Báo cáo tài chính của Công ty CP Thương mại dịch vụ Bắc Qua (là công ty con do Công ty nắm giữ 53% cổ phần phổ thông) phản ánh số lỗ lũy kế là 18.755.009.165 đồng (tại ngày 31/12/2018 là 19.002.564.935 đồng). Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty chưa bao gồm bất kỳ khoản điều chỉnh nào liên quan đến việc trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty này.

Một số khoản phải thu về cho vay ngắn hạn đã quá hạn thanh toán trên 03 năm và lãi dự thu tương ứng với tổng giá trị nợ gốc và lãi tại thời điểm 30/06/2019 là 19.559.460.120 đồng (tại ngày 31/12/2018 là 18.874.425.397 đồng) và một số khoản phải thu khách hàng tại ngày 30/06/2019 là 2.384.585.051 đồng (tại ngày 31/12/2018 là 1.851.257.293 đồng) đã quá hạn thanh toán trên 03 năm. Lãi dự thu của khoản phải thu về cho vay ngắn hạn nêu trên được tính và ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ với giá trị là 685.034.723 đồng. Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty chưa bao gồm bất kỳ khoản điều chỉnh nào liên quan đến việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định cho các khoản phải thu nêu trên.





**BÁO CÁO SOÁT XÉT**  
**THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
(tiếp theo)

Tại thời điểm 30/06/2019, Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 của các công ty liên kết và các đơn vị khác là Công ty CP Sản xuất kinh doanh gia súc gia cầm, Công ty CP Âm thực Hà Nội, Công ty CP Thủy sản Kiên Giang và Công ty CP Sản xuất chế biến thực phẩm Hà Nội để xem xét trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào các công ty này (nếu có). Chúng tôi cũng không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để có thể đánh giá giá trị của khoản đầu tư nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số dư khoản mục Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn cho khoản đầu tư nêu trên hay không.

**Kết luận ngoại trừ**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2019, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2018 của Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội đã được soát xét và kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra kết luận ngoại trừ với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 tại ngày 13/8/2018 và y kiến ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2018 tại ngày 14/03/2019.



**Phạm Ngọc Toán**

Phó Tổng giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0024-2018-034-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**



Mẫu số B 01a - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>49.441.502.980</b>	<b>50.158.964.844</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>3.030.249.540</b>	<b>3.206.964.192</b>
1. Tiền	111	V.1.	3.030.249.540	3.206.964.192
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2.</b>	-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>34.285.434.047</b>	<b>33.778.289.712</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	4.762.451.015	5.280.495.528
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	4.358.297.280	4.830.411.162
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5.	13.100.000.000	13.100.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6.	12.239.685.752	10.742.383.022
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(175.000.000)	(175.000.000)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>12.125.819.393</b>	<b>13.059.656.868</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8.	12.125.819.393	13.059.656.868
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		-	<b>114.054.072</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	114.054.072
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>130.804.682.907</b>	<b>129.868.725.062</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>12.219.959</b>	<b>68.943.588</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.6.	12.219.959	68.943.588
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>56.380.725.073</b>	<b>59.027.707.856</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10.	56.358.793.073	59.001.075.856
- Nguyên giá	222		112.691.688.314	112.691.688.314
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(56.332.895.241)	(53.690.612.458)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11.	21.932.000	26.632.000
- Nguyên giá	228		227.000.000	227.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(205.068.000)	(200.368.000)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>21.254.703.219</b>	<b>16.779.466.393</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9.	21.254.703.219	16.779.466.393
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.2.</b>	<b>50.539.482.255</b>	<b>50.679.482.255</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		31.466.433.001	31.466.433.001
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		17.900.000.000	18.040.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.173.049.254	1.173.049.254
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.617.552.401</b>	<b>3.313.124.970</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12.	2.617.552.401	3.313.124.970
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>180.246.185.887</b>	<b>180.027.689.906</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**Địa chỉ: Số 24 - 26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân,  
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019  
đến ngày 30/06/2019**Mẫu số B 01a - DN****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>29.534.511.661</b>	<b>30.515.295.663</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>21.056.429.580</b>	<b>20.749.489.098</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13.	7.261.304.001	7.865.251.948
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14.	73.046.792	59.583.554
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	313	V.15.	1.395.364.475	975.260.979
4. Phải trả người lao động	314		1.008.772.976	1.031.691.644
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16.	184.205.164	93.888.781
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18.	626.136.365	626.136.365
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19.	846.004.307	1.179.835.544
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17.	9.362.747.911	8.618.992.694
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		298.847.589	298.847.589
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>8.478.082.081</b>	<b>9.765.806.565</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.18.	1.809.607.809	2.263.809.447
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.19.	1.137.050.000	1.421.050.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17.	5.531.424.272	6.080.947.118
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>150.711.674.226</b>	<b>149.512.394.243</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20.</b>	<b>150.711.674.226</b>	<b>149.512.394.243</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		145.000.000.000	145.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		145.000.000.000	145.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		285.291.856	285.291.856
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		540.000.000	540.000.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.886.382.370	3.687.102.387
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.687.102.387	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		1.199.279.983	3.687.102.387
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>180.246.185.887</b>	<b>180.027.689.906</b>

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Phùng Thị Thúy

Nguyễn Kim Huyền

Ngô Đức Long

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 42 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này.)

Mẫu số B 02a - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	82.576.580.654	97.448.420.597
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2.	8.960.866	139.998.342
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		82.567.619.788	97.308.422.255
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3.	63.941.245.280	79.135.294.724
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		18.626.374.508	18.173.127.531
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4.	700.795.140	1.777.771.901
7. Chi phí tài chính	22	VI.5.	590.394.834	771.799.518
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		547.353.193	711.151.033
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8.	7.822.411.941	8.533.036.875
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8.	9.684.737.050	9.426.156.148
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		1.229.625.823	1.219.906.891
11. Thu nhập khác	31	VI.6.	290.974.156	679.005.915
12. Chi phí khác	32	VI.7.	4.000.000	89.440.854
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		286.974.156	589.565.061
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.516.599.979	1.809.471.952
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10.	317.319.996	165.854.391
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		1.199.279.983	1.643.617.561

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2019  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phùng Thị Thúy

Nguyễn Kim Huyền



Ngô Đức Long



Mẫu số B 03a - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		85.767.411.376	91.807.416.164
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(75.462.927.183)	(87.636.851.244)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(5.329.516.227)	(5.717.876.353)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(544.622.954)	(677.616.786)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(270.335.416)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		6.781.239.312	11.543.644.837
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(7.325.197.719)	(2.653.810.853)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>3.616.051.189</b>	<b>6.664.905.765</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.990.868.166)	(1.909.281.993)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	275.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	23		-	(3.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	3.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.869.954	69.616.753
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(3.986.998.212)</b>	<b>(1.564.665.240)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		17.496.751.691	77.157.620.748
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(17.302.519.320)	(84.440.058.004)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>194.232.371</b>	<b>(7.282.437.256)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(176.714.652)</b>	<b>(2.182.196.731)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>3.206.964.192</b>	<b>5.201.288.235</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>3.030.249.540</b>	<b>3.019.091.504</b>

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Phùng Thị Thúy

Nguyễn Kim Huyền

Ngô Đức Long



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)*

**I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH MTV Thực phẩm Hà Nội được cổ phần hóa theo Kế hoạch số 191/KH-UBND ngày 30/12/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội năm 2014 và Quyết định số 5965/QĐ-UBND ngày 13/11/2014 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Thực phẩm Hà Nội thuộc Tổng Công ty Thương mại Hà Nội. Công ty chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần theo “Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp là 0100106803, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 28 tháng 05 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100106803 thay đổi lần thứ 14 ngày 08/12/2015 thì Vốn Điều lệ của Công ty là **145.000.000.000 VND** (Một trăm bốn mươi lăm tỷ đồng).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn UPCOM với mã chứng khoán là HAF.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thương mại thực phẩm, kinh doanh bất động sản.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Sản xuất các loại bánh từ bột;
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn gạo;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào (không bao gồm thuốc lá ngoại);
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;
- Bán buôn tổng hợp;





**Mẫu số B 09a - DN**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (không bao gồm thuốc lá ngoại);
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm thuốc lá ngoại);
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ đồ uống có cồn Bán lẻ đồ uống không chứa cồn;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ nhạc cụ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ kính thuốc) Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Khách sạn Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;

**Trụ sở chính của Công ty tại:** Số 24 - 26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Địa chỉ: Số 24 - 26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

**Mẫu số B 09a - DN****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)***5. Cấu trúc doanh nghiệp****a) Danh sách các công ty con, công ty liên kết****a1) Danh sách các công ty con**

Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ
1. Công ty CP Thương mại dịch vụ Bắc Qua	Số 19, phố Hàng Khoai, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	- Kinh doanh siêu thị, nhà hàng, khách sạn (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường) - Đầu tư, xây dựng kỹ thuật hạ tầng trung tâm thương mại; - Quản lý, vận hành khu trung tâm thương mại, văn phòng, kho hàng, gara ô tô;....	53%	53%
2. Công ty CP Thương mại Lãng Yên	Số 21 Trần Khánh Dư, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	- Kinh doanh dịch vụ siêu thị, nhà hàng, khách sạn; Kinh doanh công nghệ hàng điện tử; Buôn bán máy móc, đồ dùng cho gia đình...	51%	51%

**a2) Danh sách các công ty liên kết**

Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
1. Công ty CP Sản xuất kinh doanh gia súc, gia cầm	Khu Công nghiệp Hapro, Xã Lê Chi, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội	- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt, chế biến và bảo quản rau, buôn bán thực phẩm, cung cấp dịch vụ thuê kho bãi và trông giữ hàng hóa...	37,04%	37,04%
2. Công ty CP Âm thực Hà Nội	Số 21 Trần Khánh Dư, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; sản xuất dầu mỡ, động thực vật; sản xuất tinh bột và các sản phẩm về tinh bột...	27,59%	27,59%

**b) Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc**

- Trung tâm thương mại Vân Hồ
- Trung tâm kinh doanh bán buôn
- Cửa hàng thực phẩm Hàng Da
- Chuỗi cửa hàng tiện ích Hapro

1202  
ÔNG  
H NHIỆM  
TOÁN V  
IẾT M  
Y -



**Mẫu số B 09a - DN**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/6/2019.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

**1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Riêng Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - "Báo cáo bộ phận" chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

**1. Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*: tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh

228-C  
TY  
HỮU H  
ĐÌNH  
AM  
TP. H



**Mẫu số B 09a - DN**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**Công nợ tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

**2. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập là báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ. Công ty lập báo cáo tài chính giữa niên độ riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Đồng thời, Công ty cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (như chi tiết trình bày tại Thuyết minh số I.5) cho kỳ hoạt động 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2019 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

**3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TM nơi Công ty có giao dịch đó tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

**4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

**5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

***Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết***

***Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

***Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

***Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**6. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

**7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

Tại ngày 30/6/2019, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

**8. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ**

**8.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT- BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

0222  
NG  
HIỆM H  
N VÀ Đ  
TNA  
V - T



**Mẫu số B 09a - DN****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao &lt;năm&gt;</i>
- Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
- Máy móc, thiết bị	05 - 08
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10

**8.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT- BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính.

B-C  
TY  
HÀ NỘI  
NH GIẢ  
M



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**Chương trình phần mềm**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

**9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí đầu tư xây dựng, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí thuê nhà thầu thi công, chi phí lãi vay và các chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

**10. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, lợi thế kinh doanh và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng từ 01 - 03 năm.

Lợi thế kinh doanh: Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu trên Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp số 373/2014/BCTĐG-CIMEICO tại ngày 06/10/2014 của Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Hà Nội (tại thời điểm 30/6/2014). Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

**11. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết;

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

**12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**13. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

**14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản chi phí điện, nước và các chi phí phải trả khác. Các khoản chi phí quảng cáo, chi phí vận chuyển và các khoản chi phí phải trả khác là chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

**15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản không bao gồm tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ. Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

**16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hoá, doanh thu cho thuê tài sản hoạt động, doanh thu tiền lãi và cổ tức lợi nhuận được chia.

***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính giữa niên độ. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

0120  
CÔNG  
CHÍNH  
TOÁN  
VIỆT  
KAY-



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

***Doanh thu tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

**18. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm,...

**19. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

**19.1 Các nghĩa vụ về thuế**

***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)***

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 5% và 10% đối với hàng hóa dịch vụ cung cấp.

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

***Thuế khác***

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

2228-G  
G TY  
M HỮU H  
VÀ ĐINH C  
NAM  
TP. H



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**Địa chỉ: Số 24 - 26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân,  
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019  
đến ngày 30/06/2019**Mẫu số B 09a - DN****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)***V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán giữa niên độ****1. Tiền**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	1.402.966.029	2.125.922.310
Tiền gửi ngân hàng	1.627.283.511	1.081.041.882
<b>Cộng</b>	<b>3.030.249.540</b>	<b>3.206.964.192</b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

		Đơn vị tính: VND	
		30/06/2019	01/01/2019
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị
		Dự phòng	
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>			
<i>Đầu tư vào công ty con</i>	<i>31.466.433.001</i>	-	<i>31.466.433.001</i>
Công ty CP Thương mại dịch vụ Bắc Qua	10.600.000.000	-	10.600.000.000
Công ty CP Thương mại Lãng Yên	20.866.433.001	-	20.866.433.001
<i>Đầu tư vào công ty liên kết</i>	<i>17.900.000.000</i>	-	<i>18.040.000.000</i>
Công ty CP Sản xuất kinh doanh gia súc, gia cầm	17.500.000.000	-	17.500.000.000
Công ty CP Thực phẩm chức năng Hapro	-	-	140.000.000
Công ty CP Ẩm thực Hà Nội	400.000.000	-	400.000.000
<i>Đầu tư vào đơn vị khác</i>	<i>1.173.049.254</i>	-	<i>1.173.049.254</i>
Công ty CP Thủy sản Kiên Giang	100.000.000	-	100.000.000
Công ty CP Sản xuất chế biến thực phẩm Hà Nội	1.073.049.254	-	1.073.049.254
<b>Cộng</b>	<b>50.539.482.255</b>	-	<b>50.679.482.255</b>

Tại thời điểm 30/6/2019, Công ty chưa có cơ sở để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư vào đơn vị khác để thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/6/2019 do không có giá giao dịch trên thị trường cho các khoản đầu tư này hoặc không có đầy đủ thông tin cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.



Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết**

Công ty CP Thực phẩm chức năng Hapro đã ngừng hoạt động và đóng mã số thuế từ ngày 05/6/2019.

Các công ty con và công ty liên kết khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước

**Các giao dịch trọng yếu giữa doanh nghiệp và công ty con, liên doanh, liên kết trong kỳ.**

Công ty CP Thương mại dịch vụ Bắc Qua: Công ty cung cấp dịch vụ và cho vay vốn đối với Công ty CP Thương mại dịch vụ Bắc Qua

Công ty CP Ẩm thực Hà Nội: Công ty cho Công ty CP Ẩm thực Hà Nội thuê địa điểm kinh doanh.

Công ty CP Thương mại Lãng Yên: Công ty CP Thương mại Lãng Yên cho Công ty thuê địa điểm kinh doanh.

**3. Phải thu của khách hàng**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>				
Công ty TNHH Du lịch và Thương mại Châu Á Thái Bình Dương	842.670.752	-	842.670.752	-
Công ty Cổ Phần Bibomart TM	498.126.959	-	348.075.305	-
Công ty Cổ phần Kids Plaza	574.872.303	-	721.816.026	-
Các đối tượng khác	2.846.781.001	-	3.367.933.445	-
<b>Cộng</b>	<b>4.762.451.015</b>	<b>-</b>	<b>5.280.495.528</b>	<b>-</b>

**4. Trả trước cho người bán**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công ty CP Xây dựng và Thương mại Phú Thanh Bình	2.625.296.890	2.591.296.890
Công ty CP Sản xuất kinh doanh gia súc gia cầm	314.296.724	314.296.724
Chi nhánh Miền Bắc tại Hưng Yên- Công ty CP Dầu thực vật Tường An	684.805.621	784.964.553
Các đối tượng khác	733.898.045	1.139.852.995
<b>Cộng</b>	<b>4.358.297.280</b>	<b>4.830.411.162</b>

b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**Địa chỉ: Số 24 - 26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân,  
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019  
đến ngày 30/06/2019**Mẫu số B 09a - DN****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**5. Phải thu về cho vay**

	30/06/2019		01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Công ty CP Thương mại dịch vụ Bắc Qua (1)	8.600.000.000	-	8.600.000.000	-
Công ty CP Sản xuất kinh doanh gia súc gia cầm (2)	3.500.000.000	-	3.500.000.000	-
Công ty CP Phát triển Siêu thị Hà Nội (3)	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>13.100.000.000</b>	<b>-</b>	<b>13.100.000.000</b>	<b>-</b>

(1) Phải thu về cho vay với Công ty CP Thương mại dịch vụ Bắc Qua theo các hợp đồng sau:

- Khoản cho vay theo Hợp đồng số 127C/HĐTD/BQ-TP ngày 30/08/2013, số tiền cho vay gốc là: 200.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 06 tháng, lãi suất cho vay cố định: 12%/năm, lãi cho vay nhận một lần cùng gốc cho vay, Phụ lục hợp đồng số 04-127C/PLHĐTD/BQ-TP ngày 07/12/2012 gia hạn thời hạn trả nợ đến ngày 31/12/2015;
- Khoản cho vay theo Hợp đồng số 164/HĐTD/BQ-TP ngày 07/12/2013, số tiền cho vay gốc là: 500.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 06 tháng, lãi suất cho vay cố định: 12%/năm, lãi cho vay nhận một lần cùng gốc cho vay, Phụ lục hợp đồng số 04-164/PLHĐTD ngày 29/6/2015 gia hạn thời hạn trả nợ đến ngày 31/12/2015;
- Khoản cho vay theo Hợp đồng số 32/HĐTD ngày 26/05/2014, số tiền cho vay gốc là: 700.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 03 tháng, lãi suất cho vay cố định: 12%/năm, lãi cho vay nhận hàng tháng, Phụ lục hợp đồng số 04-32/PLHĐTD ngày 29/6/2015 gia hạn thời hạn trả nợ đến ngày 31/12/2015;
- Khoản cho vay theo Hợp đồng số 58/HĐTD ngày 23/09/2014, số tiền cho vay gốc là: 300.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 03 tháng, lãi suất cho vay cố định: 10%/năm, lãi cho vay nhận một lần cùng gốc cho vay, Phụ lục hợp đồng số 02-58/PLHĐTD ngày 29/6/2015 gia hạn thời hạn trả nợ đến ngày 31/12/2015;
- Khoản cho vay theo Hợp đồng số 63/HĐTD ngày 27/12/2014, số tiền cho vay gốc là: 900.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 03 tháng, lãi suất cho vay cố định: 10%/năm, lãi cho vay nhận một lần cùng gốc cho vay, Phụ lục hợp đồng số 02-63/PLHĐTD ngày 29/6/2015 gia hạn thời hạn trả nợ đến ngày 31/12/2015;
- Khoản cho vay theo Hợp đồng số 08/HĐTD/BQ-TP ngày 11/02/2015, số tiền cho vay gốc là: 6.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 12 tháng, lãi suất cho vay cố định: 9%/năm, lãi cho vay nhận một lần cùng gốc cho vay.

(2) Phải thu về cho vay với Công ty CP Sản xuất kinh doanh gia súc gia cầm theo các hợp đồng sau:

- Khoản cho vay theo Hợp đồng số 17/HĐTD ngày 07/12/2012, số tiền cho vay gốc là: 2.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 03 tháng, lãi suất cho vay cố định: 15%/năm, lãi cho vay nhận hàng tháng, Phụ lục hợp đồng số 07-17/PLHĐTD ngày 07/12/2012 gia hạn thời hạn trả nợ đến ngày 30/6/2015;

A red circular stamp is located on the right side of the page. The text inside the stamp is partially visible and includes "C.T.V", "HẠN", "NH GIÁ", "M", and "P. HA".



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**Địa chỉ: Số 24 - 26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân,  
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019  
đến ngày 30/06/2019**Mẫu số B 09a - DN****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)*

- Khoản cho vay theo Hợp đồng số 55/HĐTD ngày 26/8/2014, số tiền cho vay 1.500.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 12 tháng, lãi suất cho vay cố định: 10%/năm, lãi cho vay được trả theo yêu cầu bên cho vay.

(3) Khoản cho vay theo Hợp đồng số 60/HĐVV-PTST ngày 01/09/2013, số tiền cho vay 1.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 3 tháng, lãi suất cho vay cố định: 13%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn và được tính trên số tiền chậm trả, Phụ lục số 04-60PLHĐTD ngày 01/01/2015 gia hạn thời hạn trả nợ đến hạn ngày 31/12/2015.

*b) Phải thu về cho vay là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3*

**6. Phải thu khác**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>12.239.685.752</b>	<b>(175.000.000)</b>	<b>10.742.383.022</b>	<b>(175.000.000)</b>
Phải thu khác	10.154.486.554	(175.000.000)	9.097.068.410	(175.000.000)
Lãi cho vay phải thu Công ty CP Thương mại dịch vụ Bắc Qua	3.544.461.119	-	3.142.238.896	-
Lãi cho vay phải thu Công ty CP Sản xuất kinh doanh gia súc gia cầm	2.543.444.446	-	2.305.881.946	-
Lãi cho vay phải thu Công ty CP Phát triển Siêu thị Hà Nội	371.554.555	-	326.304.555	-
Nguyễn Quốc Hùng (*)	2.191.984.415	-	2.209.984.415	-
Tiền thuê đất số 55 Mã Mây (**)	1.081.830.294	-	841.423.562	-
Các đối tượng khác	421.211.725	(175.000.000)	271.235.036	(175.000.000)
Tạm ứng	2.085.199.198	-	1.645.314.612	-
<b>b) Dài hạn</b>	<b>12.219.959</b>	<b>-</b>	<b>68.943.588</b>	<b>-</b>
Ký cược, ký quỹ	12.219.959	-	68.943.588	-
<b>Cộng</b>	<b>12.251.905.711</b>	<b>(175.000.000)</b>	<b>10.811.326.610</b>	<b>(175.000.000)</b>

(\*) Khoản phải thu Ông Nguyễn Quốc Hùng về tài sản thiếu hụt của Trung tâm Kinh doanh thực phẩm tổng hợp sau khi chấm dứt hoạt động mà Ông Nguyễn Quốc Hùng phải chịu trách nhiệm thu hồi và hoàn trả cho Công ty theo Biên bản làm việc ngày 24/5/2017 của Công ty CP Thực phẩm Hà Nội.

(\*\*) Khoản phải thu về tiền thuê đất tại địa chỉ số 55, Mã Mây, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội do có tranh chấp giữa Công ty và đối tượng thuê tài sản.

*b) Phải thu khác của các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3.*





Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**7. Nợ xấu**

	30/06/2019		01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</i>				
Phải thu khác				
Hợp tác xã Sông Công	175.000.000	-	175.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>175.000.000</b>	<b>-</b>	<b>175.000.000</b>	<b>-</b>

**8. Hàng tồn kho**

	30/06/2019		01/01/2019	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	14.924.000	-	20.839.000	-
Công cụ, dụng cụ	51.720.503	-	-	-
Hàng hóa	12.059.174.890	-	13.038.817.868	-
<b>Cộng</b>	<b>12.125.819.393</b>	<b>-</b>	<b>13.059.656.868</b>	<b>-</b>

**9. Tài sản dở dang dài hạn**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>		
Dự án "Đầu tư xây dựng Khu nhà ở" tại địa chỉ số 54 ngõ 459 Bạch Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội	1.239.269.981	1.239.269.981
Dự án "Cửa hàng Thương mại dịch vụ Đồng Xuân" tại địa chỉ 26 Cao Thắng, Đồng Xuân, Hoàn Kiếm, HN	17.911.413.039	13.436.176.213
Dự án "Công trình dịch vụ thương mại kết hợp nhà" tại địa chỉ số 253 Phố Vọng, Đồng Tâm, Hai Bà Trưng, Hà Nội	2.068.594.048	2.068.594.048
Các công trình khác	35.426.151	35.426.151
<b>Cộng</b>	<b>21.254.703.219</b>	<b>16.779.466.393</b>

31202  
 CÔNG  
 CH NHIE  
 A TOÁN Y  
 VIỆT  
 GIẤY

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Địa chỉ: Số 24 - 26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá						
Số dư ngày 01/01/2019	100.583.054.541	6.357.143.794	3.463.631.843	2.287.858.136	112.691.688.314	
Số dư ngày 30/06/2019	100.583.054.541	6.357.143.794	3.463.631.843	2.287.858.136	112.691.688.314	
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư ngày 01/01/2019	43.507.966.872	5.066.736.332	3.114.182.817	2.001.726.437	53.690.612.458	
Khấu hao trong kỳ	2.354.959.091	161.749.978	77.044.730	48.528.984	2.642.282.783	
Số dư ngày 30/06/2019	45.862.925.963	5.228.486.310	3.191.227.547	2.050.255.421	56.332.895.241	
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2019	57.075.087.669	1.290.407.462	349.449.026	286.131.699	59.001.075.856	
Tại ngày 30/06/2019	54.720.128.578	1.128.657.484	272.404.296	237.602.715	56.358.793.073	

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 8.815.251.544 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 8.242.629.726 VND)

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 543.280 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 46.395.552 VND)



Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**11. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Đơn vị tính: VND	
	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư ngày 01/01/2019	227.000.000	227.000.000
Số dư ngày 30/06/2019	227.000.000	227.000.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư ngày 01/01/2019	200.368.000	200.368.000
Khấu hao trong kỳ	4.700.000	4.700.000
Số dư ngày 30/06/2019	205.068.000	205.068.000
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2019	26.632.000	26.632.000
Tại ngày 30/06/2019	21.932.000	21.932.000

**12. Chi phí trả trước**

Dài hạn	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Lợi thế kinh doanh	602.984.374	654.668.752
Chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	2.014.568.027	2.658.456.218
<b>Cộng</b>	<b>2.617.552.401</b>	<b>3.313.124.970</b>

**13. Phải trả người bán**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Công ty CP Thương mại Lãng Yên	583.610.000	583.610.000	583.610.000	583.610.000
Công ty TNHH Lock&Lock HN	673.470.883	673.470.883	787.846.954	787.846.954
Các đối tượng khác	6.004.223.118	6.004.223.118	6.493.794.994	6.493.794.994
<b>Cộng</b>	<b>7.261.304.001</b>	<b>7.261.304.001</b>	<b>7.865.251.948</b>	<b>7.865.251.948</b>

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3



Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**14. Người mua trả tiền trước**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Công ty TNHH 3M Việt Nam	10.297.715	14.691.115
Công ty TNHH Medtronic Việt Nam	7.827.073	6.627.763
Công ty Cổ phần Dịch vụ thương mại tổng hợp Vincommerce	8.623.855	8.623.855
Chi nhánh Công ty TNHH MM MeGa Market	-	9.530.871
Trương Thúy Hằng	17.322.166	-
Các đối tượng khác	28.975.983	20.109.950
<b>Cộng</b>	<b>73.046.792</b>	<b>59.583.554</b>

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2019	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2019
<i>Phải nộp</i>				
Thuế GTGT đầu ra	-	1.315.170.521	1.004.826.429	310.344.092
Thuế thu nhập doanh nghiệp	270.335.416	317.319.996	270.335.416	317.319.996
Thuế thu nhập cá nhân	9.363.710	73.560.994	70.417.080	12.507.624
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	333.098.263	3.890.313.012	3.830.291.613	393.119.662
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	362.463.590	34.000.000	34.390.489	362.073.101
<b>Cộng</b>	<b>975.260.979</b>	<b>5.630.364.523</b>	<b>5.210.261.027</b>	<b>1.395.364.475</b>

**16. Chi phí phải trả**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Chi phí tiền điện tiền nước phải trả	177.033.013	93.888.781
Các khoản trích trước khác	7.172.151	-
<b>Cộng</b>	<b>184.205.164</b>	<b>93.888.781</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Địa chỉ: Số 24 - 26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**17. Vay và nợ thuê tài chính**

	30/06/2019			Trong kỳ			01/01/2019	Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
<b>a) Ngân hạn</b>	9.362.747.911	9.362.747.911	17.496.751.691	16.752.996.474	8.618.992.694	8.618.992.694	8.618.992.694	
<i>Vay cá nhân</i>	310.000.000	310.000.000	-	50.000.000	360.000.000	360.000.000	360.000.000	
Phạm Thị Thanh Hiền (1)	310.000.000	310.000.000	-	-	310.000.000	310.000.000	310.000.000	
Hoàng Thị Tâm	-	-	-	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000	
<i>Vay ngân hàng</i>	9.052.747.911	9.052.747.911	17.496.751.691	16.702.996.474	8.258.992.694	8.258.992.694	8.258.992.694	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hà Nội (3)	3.530.103.647	3.530.103.647	5.579.740.847	7.117.051.112	5.067.413.912	5.067.413.912	5.067.413.912	
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (5)	5.522.644.264	5.522.644.264	10.145.791.020	5.773.116.236	1.149.969.480	1.149.969.480	1.149.969.480	
Ngân hàng TNHH Indovina	-	-	1.771.219.824	3.812.829.126	2.041.609.302	2.041.609.302	2.041.609.302	
<b>b) Vay dài hạn</b>	5.531.424.272	5.531.424.272	-	549.522.846	6.080.947.118	6.080.947.118	6.080.947.118	
<i>Vay cá nhân</i>	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	
Phạm Thị Thanh Hiền (2)	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	
<i>Vay ngân hàng</i>	4.531.424.272	4.531.424.272	-	549.522.846	5.080.947.118	5.080.947.118	5.080.947.118	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hà Nội (4)	271.518.668	271.518.668	-	76.200.000	347.718.668	347.718.668	347.718.668	
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (6)	4.259.905.604	4.259.905.604	-	473.322.846	4.733.228.450	4.733.228.450	4.733.228.450	
<b>Cộng</b>	<b>14.894.172.183</b>	<b>14.894.172.183</b>	<b>17.496.751.691</b>	<b>17.302.519.320</b>	<b>14.699.939.812</b>	<b>14.699.939.812</b>	<b>14.699.939.812</b>	



## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 24 - 26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mẫu số B 09a - DN

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

- + Vay Bà Phạm Thị Thanh Hiền theo các hợp đồng tín dụng sau:
  - (1) Khoản vay theo Hợp số 014-14/HĐTG -TPHN ngày 06/10/2014, số tiền vay là 170.000.000 đồng, lãi suất vay là 8,5%/năm.
  - (1) Khoản vay theo hợp đồng số 001-16/HĐTG-TPHN ngày 29/8/2016 số tiền vay là 140.000.000 đồng lãi suất vay là 7,5%/năm.
  - (2) Khoản vay theo Hợp số 001-17/HĐTG -TPHN ngày 28/12/2017, số tiền vay là 1.000.000.000 đồng, lãi suất vay là 8,5%/năm, thời hạn vay 24 tháng.
- + Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hà Nội theo các hợp đồng tín dụng sau:
  - (3) Khoản vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2019-HĐCVHM/NHCT106-TPHN ngày 09/01/2019; hạn mức tín dụng 8.000.000.000 đồng; thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 05/01/2020; lãi suất vay thả nổi, thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng, mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh.
  - (4) Khoản vay theo hợp đồng 23-3/2016-HDDTDANHCT106-TPHN ngày 13/10/2016; hạn mức tín dụng là 900.000.000 đồng; mục đích vay để cải tạo nhà kho tại số 164-166 Tựu Liệt, quận Thanh Trì, Hà Nội, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; lãi suất vay được ghi trên từng giấy nhận nợ; năm được tính trên cơ sở 360 ngày.
- + Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam theo các hợp đồng tín dụng sau:
  - (5) Khoản vay theo Hợp đồng số 1260LAV201800164 ngày 29/6/2018; hạn mức tín dụng là 15.000.000.000 đồng; lãi suất thả nổi và được quy định trong từng giấy nhận nợ theo cơ sở năm 360 ngày. Tài sản thế chấp là 01 xe ô tô Toyota Corola và quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng cho thuê mặt bằng số 1062.2015/CCHBT-HDTMB ngày 17/7/2018.
  - (6) Khoản vay theo hợp đồng số 160LAV201700266 ký ngày 23/11/2017; hạn mức tín dụng là 9.800.000.000 đồng; mục đích khoản vay để đầu tư xây dựng dự án 'Cửa hàng thương mại dịch vụ Đồng Xuân'; thời hạn vay là 72 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; lãi suất cho vay trong hạn là 10,5%/năm. Tài sản đảm bảo chính là tài sản hình thành trong tương lai thuộc công trình xây dựng Cửa hàng thương mại Đồng Xuân tại số 26 Cao Thắng, phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**Địa chỉ: Số 24 - 26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân,  
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019  
đến ngày 30/06/2019**Mẫu số B 09a - DN****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**18. Doanh thu chưa thực hiện**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>626.136.365</b>	<b>626.136.365</b>
Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản	626.136.365	626.136.365
<b>b) Dài hạn</b>	<b>1.809.607.809</b>	<b>2.263.809.447</b>
Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản	1.809.607.809	2.263.809.447
<b>Cộng</b>	<b>2.435.744.174</b>	<b>2.889.945.812</b>

**19. Phải trả khác**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>846.004.307</b>	<b>1.179.835.544</b>
Kinh phí công đoàn	-	12.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác.	783.837.682	1.116.302.708
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP	386.278.925	386.278.925
Công ty Cổ phần Siêu thị VHSC	268.865.566	416.490.177
Tiền thù lao đại diện phần vốn	36.000.000	222.000.000
Các đối tượng khác	92.693.191	91.533.606
Dư có TK 1388	62.166.625	63.520.836
<b>b) Dài hạn</b>	<b>1.137.050.000</b>	<b>1.421.050.000</b>
Nhận ký quỹ ký cược	1.137.050.000	1.421.050.000
<b>Cộng</b>	<b>1.983.054.307</b>	<b>2.600.885.544</b>

**20. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
				Cộng
<b>Số dư tại ngày 01/01/2018</b>	<b>145.000.000.000</b>	<b>285.291.856</b>	<b>2.273.085.554</b>	<b>147.558.377.410</b>
Lãi trong năm trước	-	-	3.687.102.387	3.687.102.387
Phân phối các quỹ	-	-	(98.085.554)	(98.085.554)
Chia cổ tức	-	-	(2.175.000.000)	(2.175.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2018</b>	<b>145.000.000.000</b>	<b>285.291.856</b>	<b>3.687.102.387</b>	<b>148.972.394.243</b>
Lãi trong kỳ này	-	-	1.199.279.983	1.199.279.983
<b>Số dư tại ngày 30/6/2019</b>	<b>145.000.000.000</b>	<b>285.291.856</b>	<b>4.886.382.370</b>	<b>150.171.674.226</b>

01012  
CÔ  
RÁCH NH  
KIỂM TOÁN  
VIỆ  
TU GIÁ

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**Địa chỉ: Số 24 - 26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân,  
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019  
đến ngày 30/06/2019**Mẫu số B 09a - DN****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP	74.772.000.000	74.772.000.000
Công ty CP Tập đoàn Đá quý Doji	31.900.000.000	31.900.000.000
Công ty CP Chứng khoán Phố Wall	24.640.000.000	24.640.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	13.688.000.000	13.688.000.000
<b>Cộng</b>	<b>145.000.000.000</b>	<b>145.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
<b>- Vốn góp của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu kỳ	145.000.000.000	145.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	145.000.000.000	145.000.000.000
<b>- Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	-	-

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2019	01/01/2019
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.500.000	14.500.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>14.500.000</i>	<i>14.500.000</i>
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.500.000	14.500.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>14.500.000</i>	<i>14.500.000</i>

**Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu****e) Cổ tức**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:	-	-



Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:	-	-

**f) Các quỹ của công ty**

Khoản mục	01/01/2019	Số tăng trong kỳ	Số giảm trong kỳ	Đơn vị tính: VND
				30/06/2019
Quỹ đầu tư phát triển	540.000.000	-	-	540.000.000
<b>Cộng</b>	<b>540.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>540.000.000</b>

**\* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ**

**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	70.422.272.924	85.934.891.271
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.154.307.730	11.513.529.326
<b>Cộng</b>	<b>82.576.580.654</b>	<b>97.448.420.597</b>

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Chiết khấu thương mại	7.742.233	29.922.095
Giảm giá hàng bán	1.218.633	-
Hàng bán bị trả lại	-	110.076.247
<b>Cộng</b>	<b>8.960.866</b>	<b>139.998.342</b>

**3. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Giá vốn của hàng hóa dịch vụ, thành phẩm đã bán	63.941.245.280	79.135.294.724
<b>Cộng</b>	<b>63.941.245.280</b>	<b>79.135.294.724</b>

**Mẫu số B 09a - DN**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	689.081.933	726.651.475
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	1.048.000.000
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	11.713.207	3.120.426
<b>Cộng</b>	<b>700.795.140</b>	<b>1.777.771.901</b>

**5. Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	547.353.193	711.151.033
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	43.041.641	60.648.485
<b>Cộng</b>	<b>590.394.834</b>	<b>771.799.518</b>

**6. Thu nhập khác**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Thu nhập khác	290.974.156	677.187.733
Thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ	-	1.818.182
<b>Cộng</b>	<b>290.974.156</b>	<b>679.005.915</b>

**7. Chi phí khác**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý nhượng bán TSCĐ, CCDC	-	27.640.854
Các khoản bị phạt	4.000.000	800.000
Các khoản khác	-	61.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.000.000</b>	<b>89.440.854</b>





Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
<b>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>	<b>7.822.411.941</b>	<b>8.533.036.875</b>
Chi phí nhân viên	4.234.343.193	4.496.780.752
Chi phí vật liệu, bao bì	59.029.311	63.829.907
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	11.669.137	22.601.909
Chi phí khấu hao TSCĐ	714.552.663	756.631.062
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.493.691.913	1.750.413.825
Chi phí bằng tiền khác	1.309.125.724	1.442.779.420
<b>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>	<b>9.684.737.050</b>	<b>9.426.156.148</b>
Chi phí nhân viên quản lý	2.148.624.664	1.934.375.959
Chi phí đồ dùng văn phòng	9.720.000	14.212.836
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	1.868.641.050	1.933.866.607
Thuế, phí và lệ phí	3.436.142.328	3.402.857.083
Chi phí dịch vụ mua ngoài	621.007.984	559.566.436
Chi phí bằng tiền khác	1.600.601.024	1.581.277.227

**9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.840.390.183	2.904.281.215
Chi phí nhân công	6.382.967.857	6.431.156.711
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.646.982.783	2.770.312.555
Thuế, phí và lệ phí	3.436.142.328	3.402.857.083
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.917.030.818	2.929.127.179
Chi phí khác bằng tiền	2.990.145.196	3.124.701.299
<b>Cộng</b>	<b>21.213.659.165</b>	<b>21.562.436.042</b>

**10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	1.516.599.979	1.809.471.952
Các khoản điều chỉnh tăng	70.000.000	67.800.000
Chi phí không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	4.000.000	1.800.000

0120  
 CÔNG  
 CH NHIE  
 TOÁN  
 VIỆT  
 1/1/19

**Mẫu số B 09a - DN**

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Thù lao HĐQT không tham gia điều hành	66.000.000	66.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	-	1.048.000.000
Lợi nhuận từ hoạt động không thuộc diện chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.048.000.000
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	1.586.599.979	829.271.952
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	317.319.996	165.854.391
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>317.319.996</b>	<b>165.854.391</b>

**11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu không trình bày trên Báo cáo tài chính này mà được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 của Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
<b>1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:</b>		
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	17.496.751.691	77.157.620.748
<b>2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:</b>		
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	17.302.519.320	84.440.058.004

**VIII. Những thông tin khác**

**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/6/2019.

**2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**Danh sách các bên liên quan**

**Bên liên quan**

Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP  
 Công ty CP Thương mại dịch vụ Bắc Qua  
 Công ty CP Thương mại Lãng Yên

**Mối quan hệ**

Công ty mẹ  
 Công ty con  
 Công ty con

2228-C  
 G TY  
 M HỮU H  
 VÀ ĐỊNH C  
 NAM  
 TP. H



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**Địa chỉ: Số 24 - 26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân,  
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019

đến ngày 30/06/2019

**Mẫu số B 09a - DN****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)*

Công ty CP Sản xuất kinh doanh Gia súc Gia cầm	Công ty liên kết
Công ty CP Ẩm thực Hà Nội	Công ty liên kết
Công ty CP Thực phẩm chức năng Hapro	Công ty liên kết

**Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:**

	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</b>	<b>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bán hàng</b>	<b>618.045.300</b>	<b>584.591.440</b>
Công ty CP Thương mại dịch vụ Bắc Qua	4.318.026	4.409.620
Công ty CP Ẩm thực Hà Nội	613.727.274	580.181.820
<b>Mua hàng</b>	<b>71.725.480</b>	<b>47.500.000</b>
Công ty CP Thương mại Lãng Yên	71.725.480	47.500.000
<b>Lãi cho vay phát sinh</b>	<b>639.784.723</b>	<b>614.784.722</b>
Công ty CP Thương mại dịch vụ Bắc Qua	402.222.223	377.222.222
Công ty CP Sản xuất kinh doanh Gia súc Gia cầm	237.562.500	237.562.500
<b>Cổ tức được nhận</b>	<b>-</b>	<b>1.048.000.000</b>
Công ty CP Thương mại Lãng Yên	-	1.020.000.000
Công ty CP Ẩm thực Hà Nội	-	28.000.000
<b>Số dư với các bên liên quan</b>	<b>30/06/2019</b>	<b>01/01/2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn</b>	<b>12.100.000.000</b>	<b>12.100.000.000</b>
Công ty CP Thương mại dịch vụ Bắc Qua	8.600.000.000	8.600.000.000
Công ty CP Sản xuất kinh doanh Gia súc Gia cầm	3.500.000.000	3.500.000.000
<b>Các khoản thu khác về lãi cho vay</b>	<b>6.087.905.565</b>	<b>5.448.120.842</b>
Công ty CP Thương mại dịch vụ Bắc Qua	3.544.461.119	3.142.238.896
Công ty CP Sản xuất kinh doanh Gia súc Gia cầm	2.543.444.446	2.305.881.946
<b>Các khoản phải trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>314.296.724</b>	<b>314.296.724</b>
Công ty CP Sản xuất kinh doanh Gia súc Gia cầm	314.296.724	314.296.724
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>583.610.000</b>	<b>583.610.000</b>
Công ty CP Thương mại Lãng Yên	583.610.000	583.610.000
<b>Các khoản phải trả khác ngắn hạn</b>	<b>386.278.925</b>	<b>386.278.925</b>
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP	386.278.925	386.278.925



Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Lương, thưởng	574.922.666
Thù lao Hội đồng quản trị	102.000.000
<b>Cộng</b>	<b>676.922.666</b>

**3. Công cụ tài chính**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Hệ số đòn bẩy tài chính**

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

Công nợ tài chính	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Các khoản vay	14.894.172.183	14.699.939.812
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	3.030.249.540	3.206.964.192
Nợ thuần	11.863.922.643	11.492.975.620
Vốn chủ sở hữu	150.711.674.226	149.512.394.243
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	0,08	0,08

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.030.249.540	3.206.964.192
Phải thu khách hàng và phải thu khác	16.839.356.726	15.916.822.138
Các khoản đầu tư tài chính	14.273.049.254	14.273.049.254
<b>Cộng</b>	<b>34.142.655.520</b>	<b>33.396.835.584</b>



Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**Công nợ tài chính**

Các khoản vay	14.894.172.183	14.699.939.812
Phải trả người bán và phải trả khác	9.244.358.308	10.466.137.492
Chi phí phải trả	184.205.164	93.888.781
<b>Cộng</b>	<b>24.322.735.655</b>	<b>25.259.966.085</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp

*Quản lý rủi ro về giá*

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

120  
ÔN  
NHIE  
OÁN  
ET  
17



Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

<b>30/06/2019</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1- 5 năm VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	8.107.308.308	1.137.050.000	<b>9.244.358.308</b>
Chi phí phải trả	184.205.164	-	<b>184.205.164</b>
Các khoản vay	9.362.747.911	5.531.424.272	<b>14.894.172.183</b>

<b>01/01/2019</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1- 5 năm VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	9.045.087.492	1.421.050.000	<b>10.466.137.492</b>
Chi phí phải trả	93.888.781	-	<b>93.888.781</b>
Các khoản vay	8.618.992.694	6.080.947.118	<b>14.699.939.812</b>

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

<b>30/06/2019</b>	<b>Dưới 1 năm VND</b>	<b>Từ 1- 5 năm VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.030.249.540	-	<b>3.030.249.540</b>
Phải thu khách hàng và phải thu khác	16.827.136.767	12.219.959	<b>16.839.356.726</b>
Các khoản đầu tư tài chính	13.100.000.000	1.173.049.254	<b>14.273.049.254</b>

228-  
G TY  
M HỮU  
Đ ĐỊNH  
NAM  
P.



Mẫu số B 09a - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

01/01/2019	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.206.964.192	-	<b>3.206.964.192</b>
Phải thu khách hàng và phải thu khác	15.847.878.550	68.943.588	<b>15.916.822.138</b>
Các khoản đầu tư tài chính	13.100.000.000	1.173.049.254	<b>14.273.049.254</b>

**4. Thông tin so sánh**

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 đã được soát xét và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty CP Thực phẩm Hà Nội đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM.

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Phùng Thị Thúy

Nguyễn Kim Huyền

Ngô Đức Long

